

Bản án: 104/2024/DS-PT
Ngày 15 tháng 03 năm 2024
V/v: “*Tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tươi

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên
Ông Lê Thành Long

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 703/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1228/2023/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Ông Đỗ Hữu P, sinh năm 1950, (có mặt)
- Bà Nguyễn Thị Bích H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1959, (có mặt);
Cùng địa chỉ: 1 Tầng B P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân (gọi tắt là: UBND) Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số I T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Thế H1 – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý đô thị Quận C (Theo Giấy ủy quyền số 04/UQ-UBND ngày 07/3/2023, (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 03 năm 2022, nguyên đơn là ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành bản án số 112/2022/HC-ST về việc khởi kiện hành chính tuyên xử:

1. Buộc U, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng cho căn nhà số G N, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho vợ chồng ông P, bà H.

2. Tách yêu cầu khởi kiện U bồi thường thiệt hại cụ thể là 1.840.000.000 đồng để giải quyết bằng một vụ án khác.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc U, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng nhà cho nguyên đơn, cụ thể:

- Bồi thường thiệt hại mỗi tháng là 40.000.000 đồng từ tháng 03 năm 2018 đến ngày cấp giấy phép xây dựng theo bản án, tạm tính là 48 tháng với tổng số tiền 1.820.000.000 đồng. Thiệt hại này xuất phát từ việc do U không cấp giấy phép xây dựng cho căn nhà số G N, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn không thể xây nhà để cho thuê.

- Thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến gia đình nguyên đơn phải thuê nhà ở cho 10 người, mỗi tháng là 15.000.000 đồng x 48 tháng = 720.000.000 đồng. Thiệt hại này xuất phát từ việc lúc trước nguyên đơn ở nhà tại Quận A, sau đó nguyên đơn đã bán căn nhà này, do không thể xây dựng nhà tại G N để ở nên nguyên đơn đã phải thuê nhà số A Lầu B P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh của con gái nguyên đơn là bà Đỗ Thị Bội H2 để ở từ ngày 20 tháng 02 năm 2018 cho đến nay.

Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường là 2.540.000.000 đồng.

Tại “Đơn đề nghị về việc bổ sung khởi kiện bồi thường” ngày 15 tháng 03 năm 2023, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu bồi thường tổn thất sức khỏe tinh thần, chi phí và công sức.

- Tính tăng theo lãi ngân hàng theo luật cho bồi thường 55.000.000 đồng/tháng mỗi năm.

- Thiệt hại cho bên thuê nhà sắp xây hợp pháp theo quy mô thành phố quy chuẩn (nhưng do không được cấp phép xây dựng nên phải chờ nhiều năm) nên đã bán khách sạn tại 5 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy tiền thực hiện hợp đồng này.

- Đã cấp phép xây dựng 03 tháng 10 năm 2023, nhưng nguyên đơn chờ U điều chỉnh quy hoạch cục bộ phân khu nhà nguyên đơn tại địa chỉ G N theo yêu cầu của Sở Kiến trúc và Sở Xây dựng 03 lần có văn bản mà U chưa thực hiện, nên nguyên đơn yêu cầu bồi thường đến ngày UBND Quận 3 cam kết điều chỉnh quy hoạch nhà nguyên đơn.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn tự nguyện rút các yêu cầu khởi kiện bổ sung tại “Đơn đề nghị về việc bổ sung khởi kiện bồi thường” đề ngày 15 tháng 03 năm 2023 nêu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại “Đơn khởi kiện về việc bổ sung đòi U bồi thường” ngày 19 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H bổ sung yêu cầu khởi kiện:

- Bồi thường về ngày công lao động đi lại và nghiên cứu tìm hiểu luật, quy định Nhà nước và thành phố, quan điểm và giải quyết của Sở Kiến Trúc và Sở Xây dựng Chùa L, Quận hội giáo hội Thành phố H, tổ dân phố và U1: 56 tháng x 5 ngày công x 300.000/ngày = 84.000.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại thuê 01 lao động và dân đề bảo vệ phòng chống chiếm đoạt đất: 56 tháng x 7.5 triệu/tháng = 420.000.000 đồng.

Tổng cộng, nguyên đơn bổ sung yêu cầu bị đơn bồi thường là 504.000.000 đồng.

Bị đơn U, Thành phố Hồ Chí Minh có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Thế H1 trình bày:

Ngày 25 tháng 02 năm 2018, ông (bà) Đỗ Hữu P, Nguyễn Thị Bích H nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng tại nhà số G đường N, Phường A, Quận C.

Ngày 05 tháng 03 năm 2018, Phòng Quản lý đô thị Quận C có văn bản số 98/QLĐT trả lời cho ông (bà) Đỗ Hữu P, Nguyễn Thị Bích H với nội dung căn nhà trên chưa đủ cơ sở trình Thường trực U cấp giấy phép xây dựng, do Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND Ngày 20 tháng 02 năm 2013 của UBND Thành phố về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư P, Quận C (14,97 ha), vị trí nhà số G đường N, Phường A có chức năng sử dụng đất: Đất Tôn giáo. Việc này dẫn đến ông (bà) Đỗ Hữu P, Nguyễn Thị Bích H khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, ông P tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng căn nhà trên (Đính kèm biên nhận nộp hồ sơ). Phòng Quản lý đô thị có văn bản số 486/QLĐT ngày 08 tháng 10 năm 2019 trả lời cho ông (bà) Đỗ Hữu P và Nguyễn Thị Bích H khẳng định căn nhà trên chưa đủ cơ sở với cùng lý do như văn bản số 98/QLĐT ngày 05 tháng 03 năm 2018.

Đến ngày 24 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố ban hành bản án số 112/2022/HC-ST, trong đó có 02 nội dung:

- U có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng cho ông (bà) Đỗ Hữu P, Nguyễn Thị Bích H tại nhà số G đường N, Phường A.

- Tách yêu cầu khởi kiện yêu cầu U bồi thường thiệt hại cụ thể là 1.840.000.000 đồng ra để giải quyết sau bằng 01 vụ án khác.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, ông (bà) Đỗ Hữu P, Nguyễn Thị Bích H tiếp tục khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị U bồi thường thiệt hại, cụ thể như sau:

- Thiệt hại mỗi tháng là 40.000.000 đồng từ tháng 03 năm 2018 đến ngày cấp giấy phép xây dựng theo bản án, tạm tính là 48 tháng với số tiền 1.920.000.000 đồng.

- Thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến gia đình nguyên đơn phải thuê nhà ở cho 10 người, mỗi tháng là 15.000.000 đồng x 48 tháng = 720.000.000 đồng.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, ông (bà) Đỗ Hữu P, Nguyễn Thị Bích H, nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng nhà số G đường N, Phường A, Quận C (Đính kèm biên nhận nộp hồ sơ) và được U cấp giấy phép xây dựng số 365/GPXD-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022.

Quá trình điều chỉnh cục bộ tại vị trí nhà số G đường N, Phường A, Quận C:

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, U đã có Tờ trình số 41/TTr-UBND đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu dân cư P, Quận C tại khu đất số G đường N, Phường A, Quận C (Thửa số 401, tờ số 23 bản đồ địa chính khu dân cư P, Quận C).

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã có văn bản số 6210/SQHKT-QHKV1 về ý kiến hướng dẫn điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P, Quận C liên quan đến khu đất số G đường N, Phường A, Quận C, qua đó trả hồ sơ để U tiếp tục chỉnh sửa hồ sơ.

Ngày 9 tháng 12 năm 2019, U đã có văn bản số 2144/UBND về trình thẩm định điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư P, Quận C tại khu đất số G đường N, Phường A, Quận C gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc theo yêu cầu tại văn bản 6210/SQHKT-QHKV1 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Căn cứ thông báo số 708/TB-VP ngày 16 tháng 10 năm 2019 về kết luận của đồng chí Võ Văn H3 - Phó Chủ tịch UBND Thành phố tại buổi họp về giải quyết các khó khăn vướng mắc của Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở T3. Trong văn bản trên có kết luận: *“Đối với trường hợp khu đất nhỏ, lẻ đã được cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin kiến trúc – quy hoạch, cấp giấy phép quy hoạch có nội dung khác với đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã được duyệt hoặc chưa cập nhật thông tin quy hoạch vào đồ án quy hoạch phân khu 1/2000 được duyệt, nhưng không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chung của đồ án quy hoạch được duyệt: Sở Xây dựng (hoặc UBND Quận, Huyện có thẩm quyền) sẽ phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc và UBND Quận, H4 có liên quan để có ý kiến thống nhất và xem xét giải quyết cấp phép xây dựng...”*. Do đó, ngày 26 tháng 02 năm 2020, U đã có văn bản số 197/UBND gửi Sở Xây dựng về việc xin hướng dẫn cấp phép

xây dựng tại địa chỉ G đường N, Phường A, Quận C, tuy nhiên Sở Xây dựng không có văn bản trả lời.

Để tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch tại địa điểm G đường N, Phường A, Q 3. Ngày 08 tháng 5 năm 2020, U đã có văn bản số 482/UBND-QLĐT về tổng hợp rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đã được duyệt đã rà soát và kiến nghị nhưng không còn phù hợp trên địa bàn Quận C. Trong đó cũng điều chỉnh quy hoạch tại địa chỉ G đường N, Phường A, Quận C.

Ngày 31 tháng 03 năm 2021, U có Công văn số 245/UBND-QLĐT gửi UBND Thành phố và Sở Quy hoạch - Kiến trúc về báo cáo chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch các đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 địa bàn Quận C.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, UBND Thành phố có công văn số 2255/UBND-ĐT về điều chỉnh tổng thể các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn Quận C. Qua đó, chấp thuận chủ trương cho U thực hiện việc điều chỉnh tổng thể 10 đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn Quận C, trong đó có đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P và có địa chỉ số G (1 phần) đường N, Phường A, Quận C. Đến nay, U đang tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo của đồ án.

U đã tuân thủ các bước để thực hiện việc lập điều chỉnh Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 theo quy định. Tuy nhiên, đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 do UBND Thành phố phê duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định, có liên quan đến rất nhiều cơ quan ban ngành nên việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch vẫn đang được thực hiện theo trình tự thủ tục quy định.

Từ các nội dung nêu trên, U nhận thấy việc khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại của ông P, bà H là không có cơ sở vì những lý do sau:

- Việc cho rằng thiệt hại mỗi tháng là 40.000.000 đồng từ tháng 03 năm 2018 đến ngày cấp giấy phép xây dựng theo bản án, tạm tính là 48 tháng với số tiền 1.920.000.000 đồng, U chưa cấp giấy phép xây dựng do phải thực hiện việc lập đồ án điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc và UBND Thành phố xem xét phê duyệt, việc này ông P biết rõ ngay ban đầu từ năm 2018.

- Việc điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 liên quan đến nhiều cơ quan ban ngành, nên không thể hoàn thành sớm được, U không từ chối việc cấp giấy phép xây dựng cho ông P, việc chậm trễ cấp giấy phép xây dựng cho căn nhà trên là do nguyên nhân khách quan.

- Việc cho rằng thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến gia đình nguyên đơn phải thuê nhà ở cho 10 người, mỗi tháng là 15.000.000 đồng x 48 tháng = 720.000.000 đồng. Căn cứ giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 14780/GCN ngày 30 tháng 6 năm 2015 do U cấp, khi chuyển nhượng là đất trống, do đó không có cơ sở cho rằng vì

không cấp giấy phép xây dựng mà gia đình ông P không có chỗ ở phải đi thuê nhà. Đề nghị Tòa án xác minh nơi cư trú của ông P giai đoạn năm 2018-2022.

- Được biết mặt bằng trên, hiện ông P đang cho ông Lê Văn T thuê với giá 15.000.000 đồng/tháng kinh doanh từ năm 2019 đến nay, phần phía trước ông P cho quán San hô đồ thuê để giữ xe, mặt bằng cho thuê không làm hợp đồng không khai báo đăng ký nộp thuế. Trong quá trình kinh doanh, có Quyết định xử phạt số 11/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của U1, Quận C về vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, theo hợp đồng thuê nhà giữa ông P và bà H2 (con gái của ông P) từ ngày 01 tháng 03 năm 2018 đến ngày 01 tháng 03 năm 2022 được sửa thành đến ngày 01 tháng 03 năm 2024 với số lượng 10 người ở tại địa chỉ số A đường P, phường T, Quận A không có cơ quan chức năng xác nhận. Đề nghị Tòa án xác minh Ông P về quan hệ nhân thân của 10 người ở tại đây, giấy tạm trú, tạm vắng trong suốt thời gian ở.

Về hợp đồng thi công giữa nhà thầu (Công ty TNHH MTV H6) và ông P, đề nghị Tòa án xác minh tại cơ quan thuế, bản sao kê việc đóng thuế hợp đồng thi công và xem xét Công ty TNHH MTV H6 có dấu hiệu trốn thuế hay không?

Qua những ý kiến trên, cho thấy ông P đã khai thác mặt bằng từ đầu cho đến khi được U cấp giấy phép xây dựng, việc khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại là không có cơ sở.

Do đó, U không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1228/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 7, Điều 8, Điều 17, Điều 22, Điều 52, Điều 53, Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H về việc buộc U, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Bồi thường thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến nguyên đơn không thể xây nhà để cho thuê, mỗi tháng là 40.000.000 đồng từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 10 năm 2022 là: 2.200.000.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến gia đình nguyên đơn phải thuê nhà ở cho 10 người là: 825.000.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại về ngày công lao động đi lại là: 412.500.000 đồng.
- Bồi thường thiệt hại do phải thuê người quản lý tại mặt bằng là: 412.500.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H về việc: Yêu cầu bồi thường tổn thất sức khỏe tinh thần, chi phí và công sức tính tăng theo lãi ngân hàng theo luật cho bồi thường 55.000.000 đồng/tháng mỗi năm; Yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bên thuê nhà sắp xây hợp pháp theo quy mô thành phố quy chuẩn (nhưng do không được cấp phép xây dựng nên phải chờ nhiều năm) nên đã bán khách sạn tại 5 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy tiền thực hiện hợp đồng này tính đến ngày UBND Quận 3 cam kết điều chỉnh quy hoạch nhà của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo:

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 112/2022/HC-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên: “*Hành vi hành chính của U, không cấp giấy phép xây dựng cho căn nhà G N là không đúng pháp luật, buộc U cấp giấy phép và tách bồi thường thiệt hại ra vụ án khác*”. Như vậy, U đã vi phạm luật trong việc lập quy hoạch xây dựng, đã không cấp phép xây dựng cho nguyên đơn từ trước tháng 02 năm 2018 dẫn đến việc nguyên đơn không thể xây dựng nhà theo đúng như các hợp đồng thi công. Nên thiệt hại về thu nhập từ dự án nhà cho thuê của nguyên đơn là đương nhiên. Vì không được xây dựng nhà nên gia đình nguyên đơn đã phải đi thuê nhà để ở, do thuê nhà riêng của con nguyên đơn nên không buộc phải công chứng và trường hợp này không phải là giả cách nên nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại từ việc thuê nhà là đúng pháp luật. Do chưa được xây nhà nên nguyên đơn phải thuê người để trông coi nhà, bảo vệ là tiền thuê lại nên nguyên đơn không thu và quản lý nếu có người thuê. Ngày 01 tháng 03 năm 2023, nguyên đơn đã làm hợp đồng quản lý lán trại không thù lao tại căn nhà 788A với ông Lê Văn T nên thực tế nguyên đơn không thu, không khai thác gì. Vụ án kéo dài 47 tháng, nguyên đơn bị thiệt hại về thời gian, công sức, chi phí đi lại làm việc với Tòa án và các cơ quan liên quan nên nguyên đơn yêu cầu bồi thường chi phí thiệt hại về ngày công đi lại là có cơ sở. Do đó, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H, trình bày:
Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cùng các lý do và yêu cầu kháng cáo theo đơn

kháng cáo đã nêu trên, nguyên đơn cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không xem xét chấp nhận mà chỉ chấp nhận theo trình bày của bị đơn. Ngoài ra, không xem xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhận định bị đặt, không theo quy định của pháp luật để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn..

Đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Phan Thế H1, trình bày: Bảo lưu quan điểm của bị đơn theo nội dung án sơ thẩm đã nêu, đồng ý với quyết định của án sơ thẩm, không đồng ý đối với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về nội dung: Khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, tài liệu mới để làm căn cứ xem xét, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, bà H, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Kháng cáo của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H làm trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 38, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về điều kiện khởi kiện:

Căn cứ khoản 4 Điều 4; khoản 1 Điều 8 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước và Bản án hành chính sơ thẩm số: 112/2022/HC-ST, ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước là đủ điều kiện khởi kiện.

- Về nội dung:

Đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H, xét:

[1] Theo đơn khởi kiện và các bổ sung yêu cầu khởi kiện, ông P và bà H yêu cầu U, bồi thường gồm:

- Thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến nguyên đơn không thể xây nhà để cho thuê, mỗi tháng là 40.000.000 đồng từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 10 năm 2022 là 40.000.000 đồng/tháng x 55 tháng = 2.200.000.000 đồng.

- Thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến gia đình nguyên đơn phải thuê nhà ở cho 10 người là: 15.000.000 đồng x 55 tháng = 825.000.000 đồng.

- Thiệt hại về ngày công lao động đi lại là 7.500.000 đồng x 55 tháng = 412.500.000 đồng.

- Thiệt hại do phải thuê người quản lý tại mặt bằng là 7.500.000 đồng x 55 tháng = 412.500.000 đồng.

Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường là: 3.850.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Về thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến nguyên đơn không thể xây nhà để cho thuê, mỗi tháng là 40.000.000 đồng từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 10 năm 2022 là 40.000.000 đồng/tháng x 55 tháng = 2.200.000.000 đồng:

Nguyên đơn cho rằng vì U không cấp giấy phép xây dựng căn nhà số G N, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên nguyên đơn không thể xây nhà cho thuê theo các hợp đồng đã ký. Cụ thể, là theo “*Hợp đồng xây dựng nhà cho thuê*” được ký kết giữa ông Đỗ Hữu P với Công ty TNHH MTV H6 do ông Đỗ Hữu P làm giám đốc (không ghi thời gian) và Hợp đồng thuê nhà dịch vụ (đang hình thành) lập ngày 20 tháng 02 năm 2018 giữa bà Nguyễn Thị Bích H, ông Đỗ Hữu P với bên thuê là Công ty TNHH P1 có người đại diện là ông Đỗ Bội V (con ruột của nguyên đơn).

Xét thấy, theo “*Hợp đồng xây dựng nhà cho thuê*” được ký kết giữa ông Đỗ Hữu P với Công ty TNHH MTV H6 do ông Đỗ Hữu P làm giám đốc thì trong giao dịch này ông P vừa là chủ đầu tư và vừa là đơn vị thi công do ông P làm giám đốc nên hợp đồng này vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 141 Bộ luật dân sự: “*Một cá nhân, pháp nhân có thể đại diện cho nhiều cá nhân hoặc pháp nhân khác nhau nhưng không được nhân danh người được đại diện để xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với chính mình hoặc với bên thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*” và vi phạm quy định tại Điều 86 Luật doanh nghiệp năm 2020. Mặt khác, thời điểm ký kết hợp đồng ông P chưa được U cấp giấy phép xây dựng cũng như bản vẽ công trình chưa được phê duyệt nên không có cơ sở để ông P lập hợp đồng thi công như nêu trên.

Theo “*Hợp đồng thuê nhà dịch vụ*” (về việc cho thuê căn nhà số G Nguyễn Đình Chiểu P, Q, TP .) lập ngày 20 tháng 02 năm 2018 giữa Bên cho thuê nhà

dịch vụ: Ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị Bích H với bên thuê: Ông Đỗ Bội V; Địa chỉ: 1 P, Phường N, Quận A, TP ., có nội dung:

“Sau 08 tháng thi công: Bên cho thuê bàn giao căn nhà này cho bên thuê, theo giấy phép xây dựng U cấp, căn nhà này có 24 phòng và 01 sảnh trệt 114 m² và 01 hầm hoàn thiện theo thiết kế xây dựng được duyệt,

*G thuê: 24 phòng * 3.800.000 triệu đồng/tháng = 91,2 triệu đồng*

Giá cho thuê sảnh tầng 1/tháng: 40 triệu đồng

Giá cho hầm/tháng: 20 triệu đồng

Cộng 97.2 triệu đồng

Thời hạn thuê: 04 năm, đặt cọc 06 tháng tiền thuê” (BL88).

Và “Hợp đồng thuê nhà dịch vụ” (đang hình thành) lập ngày 20 tháng 02 năm 2018 tại căn nhà G N, Phường A, Quận C, TP . (gọi tắt là căn nhà này), giữa Bên cho thuê nhà dịch vụ: Ông Đỗ Hữu P, bà Nguyễn Thị Bích H là chủ căn nhà này với Bên thuê: Ông Đỗ Bội V; Địa chỉ: 1 P, Phường N, Quận A, TP ., có nội dung:

“Sau 06 tháng thi công: Bên cho thuê bàn giao căn nhà này cho bên thuê, theo giấy phép xây dựng U cấp, căn nhà này có 24 phòng và 01 sảnh trệt 114 m² và 01 hầm hoàn thiện theo thiết kế xây dựng được duyệt,

G thuê:

- 5 tầng bình quân 19tr = 95 triệu

- Tầng lửng để ở

- Khuyến mãi tầng thượng.

Thời hạn thuê: 04 năm, đặt cọc 06 tháng tiền thuê” (BL82).

Xét thấy, căn nhà số G đường N, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là đối tượng của hợp đồng thuê nhà được ký kết giữa nguyên đơn với ông Đỗ Bội V; Địa chỉ: 1 P, Phường N, Quận A, TP . (nhưng ký tên, đóng dấu là: Khách sạn H7 – Công ty TNHH P1, tỉnh Lâm Đồng). Tuy nhiên, tại thời điểm nguyên đơn ký hợp đồng cho thuê nhà thì U vẫn chưa cấp giấy phép xây dựng nên không có cơ sở để nguyên đơn xác định đối tượng trong hợp đồng, là căn nhà gồm có 24 phòng và 01 sảnh trệt 114 m² và 01 hầm sẽ hoàn thiện theo thiết kế xây dựng được duyệt mà hợp đồng đã nêu. Ngoài ra, trong cùng ngày 20 tháng 02 năm 2018 tại căn nhà số G N, nguyên đơn ông P, bà H lại ký với ông Đỗ Bội V 02 Hợp đồng thuê nhà dịch vụ có nội dung và giá thuê khác nhau, số tiền cho thuê ghi cũng không đúng nếu có nhà thực tế để cho thuê, vì không thể có giá thuê là “24 phòng * 3.800.000 triệu đồng/tháng” như nêu trên, đồng thời nguyên đơn cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc Công ty TNHH P1 là bên thuê đã thanh toán tiền thuê nhà cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại các hợp đồng cùng ngày 20 tháng 02 năm 2018 giữa hai bên.

Tại Điều 22 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước quy định thiệt hại được bồi thường phải là thiệt hại thực tế đã phát sinh cũng như mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại và hậu quả. Theo đó, khoản thu nhập nguyên đơn dự tính cho thuê nhà hình thành trong tương lai, không phải là khoản thiệt hại thực tế và cũng không có cơ sở nào xác định nguyên đơn chắc chắn sẽ hoàn thành việc xây dựng trong 06 tháng hay trong 08 tháng được ghi trong các hợp đồng và sẽ cho thuê được nhà ngay sau khi công trình hoàn thiện.

Do đó, nguyên đơn căn cứ các hợp đồng nêu trên để yêu cầu U bồi thường thiệt hại với số tiền 2.200.000.000 đồng. Tòa sơ thẩm xác định “không có giá trị làm căn cứ để xem xét xác định thiệt hại, không phù hợp với thực tế, không có thật nên không có cơ sở chấp nhận” là có căn cứ.

[1.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến gia đình nguyên đơn phải thuê nhà ở cho 10 người là 15.000.000 đồng x 55 tháng = 825.000.000 đồng:

Nguyên đơn cho rằng thiệt hại này xuất phát từ việc lúc trước nguyên đơn ở nhà tại Quận A, sau đó nguyên đơn đã bán căn nhà này, do không thể xây dựng nhà tại G N để ở nên nguyên đơn đã phải thuê nhà số A Lầu B P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh của con gái nguyên đơn là bà Đỗ Thị Bội H2 để ở từ ngày 20 tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Đồng thời, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng thuê nhà ngày 20 tháng 02 năm 2018 giữa ông Đỗ Hữu P và bà Đỗ Thị Bội H2 về việc thuê căn nhà số A Lầu B P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (02 Hợp đồng thuê nhà cùng ngày 20 tháng 02 năm 2018 nhưng có 02 nội dung khác nhau là: 01 Hợp đồng có nội dung “*Bên A (Đỗ Thị Bội H2) cho Bên B (Đỗ Hữu P) thuê 5 căn phòng thuộc căn nhà 1 Lầu B P trong thời gian từ ngày 01/3/2018 đến 01/3/2022*” (nhưng có dấu sửa là 01/3/2024 – BL86) và 01 Hợp đồng có nội dung “*Bên A cho Bên B thuê 5 căn phòng thuộc căn nhà 1 Lầu B P trong thời gian từ 01/3/2018 đến...*” (BL85).

Xét thấy, nguyên đơn trình bày việc thuê nhà nêu trên là cho 10 người ở bao gồm vợ chồng nguyên đơn, 02 con gái (trong đó có bà H2) cùng các cháu ngoại. Như vậy, theo hợp đồng thuê nhà ngày 20 tháng 02 năm 2018 nêu trên thì bà H2 là người đứng tên bên cho thuê nhà nhưng đồng thời cũng là bên ở nhà thuê và thời hạn cho thuê nhà thì 01 Hợp đồng có thời hạn từ ngày 01 tháng 03 năm 2018 đến ngày 01 tháng 03 năm 2022 (có dấu sửa lại là 01 tháng 03 năm 2024) và 01 Hợp đồng chỉ có thời hạn bắt đầu thuê là 01 tháng 03 năm 2018 không có thời hạn kết thúc. Ngoài ra, Theo “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” do U1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 03 năm 2011 cho ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Trần Thị Kim T2 số phát hành BE192414, số vào sổ cấp GCN: CH0519 thửa đất số 13 +17, tờ bản đồ số 07, địa chỉ 1/1 (tầng B) đường P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có nhà ở cùng địa chỉ trên diện tích 80,48m² đến ngày 28 tháng 10 năm 2015, ông T1, bà T2 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bích H địa chỉ 5 C, phường A, Quận A và được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh Văn phòng Đ điều chỉnh sang tên bà H tại trang 3 Giấy chứng nhận cùng ngày 28 tháng 10

năm 2015 đến ngày 22 tháng 02 năm 2018 bà H tặng cho nhà đất vừa nêu cho con gái là bà: Đặng Thị Bội H5. Đến ngày 09 tháng 03 năm 2018, Chi nhánh Văn phòng Đ điều chỉnh thành tên đúng là: Đỗ Thị Bội H2.

Như vậy, tại thời điểm ký các Hợp đồng thuê nhà ngày 20 tháng 02 năm 2018 thì bà Đỗ Thị Bội H2 không có nhà đất nào tại số A Tầng B đường P, phường N, Quận A để cho thuê, vì đến ngày 22 tháng 02 năm 2018 bà H2 mới được bà H tặng cho nhà, đất tại số A Tầng B đường P, phường N, Quận A nhưng tên trên giấy lại là: Đặng Thị Bội H5 cho đến ngày 09 tháng 03 năm 2018 mới được điều chỉnh lại đúng tên là: Đỗ Thị Bội H2 (BL72 đến BL73), cho nên các Hợp đồng thuê nhà ngày 20 tháng 02 năm 2018 giữa bà Đỗ Thị Bội H2 với ông Đỗ Hữu P là không có thật, là chứng cứ nguyên đơn tự đặt ra để yêu cầu bồi thường.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Nguyên đơn yêu cầu đòi bồi thường tiền nguyên đơn thuê nhà ở là không có căn cứ để chấp nhận” là có căn cứ.

[1.3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do phải thuê người quản lý tại mặt bằng là 7.500.000 đồng x 55 tháng = 412.500.000 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày tại mặt bằng trên, hiện nguyên đơn đang cho ông Lê Văn T thuê với giá 15.000.000 đồng/tháng kinh doanh từ năm 2019 đến nay, phần phía trước nguyên đơn cho quán San hô đỏ thuê để giữ xe, mặt bằng cho thuê không làm hợp đồng không khai báo đăng ký nộp thuế.

Trong quá trình kinh doanh, có Quyết định xử phạt số 11/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của U1, Quận C về vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (BL124 đến BL128).

Như vậy, nguyên đơn vẫn khai thác mặt bằng và thu lợi từ khi nhận chuyển nhượng cho đến khi được U cấp giấy phép xây dựng ngày 03 tháng 10 năm 2022. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do không cho thuê được mặt bằng là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[1.4] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về ngày công lao động đi lại là 7.500.000 đồng x 55 tháng = 412.500.000 đồng:

Như phân tích nêu trên về các yêu cầu bồi thường thiệt hại không có cơ sở để xem xét chấp nhận nên chi phí đi lại (nếu có) mà không phải phát sinh từ các yêu cầu bồi thường được chấp nhận thì yêu cầu bồi thường ngày công lao động đi lại của nguyên đơn cũng không phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[1.5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, các Điều 26, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 7, Điều 8, Điều 17, Điều 22, Điều 52, Điều 53, Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 1228/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H về việc buộc Ủy ban nhân dân Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Bồi thường thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến nguyên đơn không thể xây nhà để cho thuê, mỗi tháng là 40.000.000 đồng từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 10 năm 2022 là: 2.200.000.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại do không cấp giấy phép xây dựng dẫn đến gia đình nguyên đơn phải thuê nhà ở cho 10 người là: 825.000.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại về ngày công lao động đi lại là: 412.500.000 đồng.

- Bồi thường thiệt hại do phải thuê người quản lý mặt bằng là: 412.500.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H về việc: Yêu cầu bồi thường tổn thất sức khỏe tinh thần, chi phí và công sức tính tăng theo lãi ngân hàng theo luật cho bồi thường 55.000.000 đồng/tháng mỗi năm; Yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bên thuê nhà sắp xây hợp pháp theo quy mô thành phố quy chuẩn (nhưng do không được cấp phép xây dựng nên phải chờ nhiều năm) nên đã bán khách sạn tại 5 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy tiền thực hiện hợp đồng này tính đến ngày Ủy ban nhân dân Quận U cam kết điều chỉnh quy hoạch nhà của ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Hữu P và bà Nguyễn Thị Bích H không phải chịu án phí.

5. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VT (5), 20b, (HS – PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn TỬ